

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST
Ngày 25-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thôn

Bà Đặng Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2023/TLST-KDTM ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2024/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 298/2024/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, địa chỉ trụ sở: Số 89 L, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn N - Trưởng bộ phận Xử lý nợ, ông Hà Quang H - Cán bộ xử lý nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 10 năm 2023); ông N vắng mặt, ông H có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D, địa chỉ trụ sở: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Dương Thị Biên T - Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D; là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị Biên T, sinh năm 1991; nơi ĐKTT: Số 10A/46/78/430 đường T, phường N, Quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây viết tắt là VPBank) trình bày:

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D (sau đây viết tắt là Công ty D) vay vốn tại VPBank - Chi nhánh Hải Phòng - Phòng giao dịch Quang Trung theo Hợp đồng cho vay hạn mức số QTG/22337 ngày 09-9-2022 (sau đây viết tắt là Hợp đồng cho vay) và Khế ước nhận nợ số QTG/22337 ngày 09-9-2022 (sau đây viết tắt là Khế ước nhận nợ) với tổng số tiền là 999.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể trong các khế ước nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả, bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Để đảm bảo khoản vay, bà Dương Thị Biên T - Giám đốc Công ty D ký Hợp đồng bảo lãnh số QTG/22337/HĐBL ngày 09-9-2022 với VPBank - Chi nhánh Hải Phòng - Phòng Giao dịch Quang Trung (sau đây viết tắt là Hợp đồng bảo lãnh). Theo đó, bà T đồng ý dùng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty D trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của công ty, bao gồm: Trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của công ty với VPBank phát sinh từ Hợp đồng cho vay và các văn kiện tín dụng được ký kết trước, trong và sau ngày ký kết Hợp đồng này.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 09-3-2023. Do đó, VPBank đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Tạm tính đến ngày 20-7-2023, Công ty D còn nợ VPBank số tiền là 1.090.311.036 đồng; trong đó, nợ gốc là 968.998.958 đồng, nợ lãi là 121.082.699 đồng, phạt chậm trả lãi là 229.379 đồng. Khi Công ty D vi phạm nghĩa vụ trả nợ, VPBank đã gửi văn bản đôn đốc cho công ty và bà T theo địa chỉ đăng ký kinh doanh, địa chỉ cư trú đã ghi trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh nhưng không có kết quả. VPBank có xuống kiểm tra nhưng Công ty D đã không còn hoạt động, bà T cũng không còn cư trú tại địa chỉ ghi trong hợp đồng bảo lãnh. Cho đến nay, Công ty D và bà T không thông báo cho VPBank biết địa chỉ mới của mình. Như vậy, Công ty D đã trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Đến ngày mở phiên tòa 25-3-2024, Công ty D còn nợ VPBank số tiền là 1.146.413.310 đồng; trong đó, nợ gốc là 968.998.958 đồng, nợ lãi là 177.086.048 đồng, phạt chậm trả lãi là 328.304 đồng. VPBank đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty D phải trả toàn bộ số tiền nợ này. Trong trường hợp Công ty D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì buộc bà T phải có nghĩa vụ trả nợ thay theo Hợp đồng bảo lãnh nêu trên.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được xác định: Công ty D không còn hoạt động tại đại chỉ trụ sở và địa điểm kinh doanh theo địa chỉ trong đăng ký doanh nghiệp và đăng ký địa điểm kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng; bà T cũng không còn cư trú tại địa chỉ đăng ký thường trú. Nơi cư trú cuối cùng của bà T là tại Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, cùng với đại chỉ trụ sở của Công ty D đã được đăng ký. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho Công ty D và bà T theo quy định của pháp luật. Do bà T vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đến nay, đại diện hợp pháp của Công ty D và bà T vẫn không tham gia tố tụng nên Tòa án không có bản khai của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Ngày 09-09-2022, Công ty D vay vốn của VPBank số tiền 999.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay, thời hạn vay 06 tháng, tính từ ngày 09-09-2022 đến 09-03-2023. Tại thời điểm ký kết hợp đồng không bị lừa dối, ép buộc. Quá trình thực hiện hợp đồng không phát sinh khiếu kiện. Nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng cho vay hạn mức có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên theo quy định tại Điều 117 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự. VPBank đã giải ngân theo Khế ước nhận nợ. Đến ngày 09-03-2023, Công ty D vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng. VPBank đã thông báo, đôn đốc trả nợ nhưng cho Công ty D và bà T không thực hiện. Như vậy, Công ty D và bà T đã vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng, VPBank khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Theo Bảng kê tính lãi phát sinh tạm tính đến ngày mở phiên tòa 25-03-2024, Công ty D còn nợ VPBank tổng số tiền là 1.146.413.310 đồng; trong đó, nợ gốc là 968.998.958 đồng, nợ lãi là 177.086.048 đồng, phạt chậm trả lãi là 328.304 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 317, 342, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng,

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty D và bà T phải trả cho VPBank số tiền tính đến ngày 25-03-2024 là 1.146.085.000 đồng; trong đó, tiền nợ gốc là 968.998.958 đồng, tiền nợ lãi là 177.086.048 đồng. Không chấp nhận yêu cầu về khoản tiền phạt chậm trả lãi là 328.304 đồng.

- Về án phí: Căn cứ vào 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc

Công ty D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho VPBank. Công ty D phải chịu án phí kinh doanh thương mại đối với số tiền không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* VPBank khởi kiện Công ty D yêu cầu thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng cho vay, hai bên đều có đăng ký kinh doanh và giao kết hợp đồng với mục đích lợi nhuận nên vụ án có quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại. Công ty D có địa chỉ trụ sở tại Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Về sự vắng mặt của đương sự, đại diện hợp pháp của đương sự:

[2] Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh với VPBank, Công ty D thay đổi địa chỉ trụ sở, bà Dương Thị Biên T với tư cách là đại diện hợp pháp của Công ty D và là người bảo lãnh cho công ty thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho VPBank biết về nơi cư trú mới của mình là vi phạm khoản 1 và khoản 4 Điều 4 của Hợp đồng cho vay, khoản 4 Điều 5 của Hợp đồng bảo lãnh, khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự. Điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung* Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định Công ty D, bà T cố tình giấu địa chỉ và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Người đại diện theo ủy quyền của VPBank là ông Nguyễn Tuấn N và ông Hà Quang H. Ông N vắng mặt tại phiên tòa. Theo văn bản ủy quyền của VPBank, trường hợp một trong hai người được ủy quyền vắng mặt thì ý kiến của người có mặt cũng chính là ý kiến của người vắng mặt. Công ty D và bà T vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N, Công ty D và bà T.

[4] *Xét hiệu lực của các hợp đồng:* Hợp đồng cho vay và Hợp đồng bảo lãnh được Công ty D, bà T và VPBank giao kết trên tinh thần tự nguyện, không bị lừa dối; các bên tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao

dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực theo quy định tại các điều 117, 118 và 119 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng. Công ty D, bà T và VPBank phải tôn trọng và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đã được thỏa thuận trong các hợp đồng này.

Xét yêu cầu khởi kiện của VPBank:

[5] Nội dung trình bày của VPBank tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định từ ngày 09-3-2023, Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 6 Điều 1 của Khế ước nhận nợ, Điều 280, khoản 1 Điều 410, Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Việc VPBank chuyển toàn bộ khoản nợ của Công ty D sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức và Khế ước nhận nợ nêu trên là hợp pháp. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25-3-2024), Công ty D còn nợ VPBank tổng số tiền là 1.146.413.310 đồng; trong đó, nợ gốc là 968.998.958 đồng, nợ lãi là 177.086.048 đồng, lãi chậm trả là 328.304 đồng. Điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: 2. *Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 được xác định như sau: a).... b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn.* Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của VPBank buộc Công ty D phải thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm nêu trên, trong đó có khoản tiền phạt chậm trả lãi (theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP là khoản tiền *lãi chậm trả*) là có căn cứ chấp nhận theo các điều 164, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[6] Như nhận định tại đoạn [4], người bảo lãnh là bà T phải thực hiện cam kết của mình đảm bảo cho khoản vay của Công ty D đối với VPBank. Theo thỏa thuận tại khoản 5 Điều 2 của Hợp đồng cho vay, khoản 7 Điều 1 của Khế ước nhận nợ, Hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã giao kết và quy định tại Điều 342 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của VPBank, trường hợp Công ty D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho VPBank thì bà T phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty D.

[7] *Về án phí:* Do yêu cầu đòi số tiền 1.146.413.310 đồng của VPBank được chấp nhận nên Công ty D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền này, được tính bằng 46.392.399 đồng, làm tròn là 46.392.000 đồng; VPBank được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] *Về quyền kháng cáo:* Đương sự, đại diện hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

đương sự, đại diện hợp pháp của đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 40, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 164, Điều 280, Điều 342, khoản 1 Điều 410, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V:

1.1. Buộc Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 25 tháng 3 năm 2024 là 1.146.413.310đ (*một tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm mười ba nghìn ba trăm mười đồng*); trong đó, nợ gốc là 968.998.958đ (*chín trăm sáu mươi tám triệu chín trăm chín mươi tám nghìn chín trăm năm mươi tám đồng*), nợ lãi là 177.086.048đ (*một trăm bảy mươi bảy triệu không trăm tám mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi tám đồng*), phạt chậm trả lãi là 328.304đ (*ba trăm hai mươi tám nghìn ba trăm linh bốn đồng*).

1.2. Kể từ ngày 26 tháng 3 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số QTG/22337 ngày 09 tháng 9 năm 2022. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì lãi suất Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

1.3. Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì bà Dương Thị Biên T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ thay cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D.

3. Về án phí:

3.1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 46.392.000đ (*bốn mươi sáu triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

3.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.354.000đ (*hai mươi hai triệu ba trăm năm mươi tư nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí tòa án số 0005831 ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D, đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D, bà Dương Thị Biên T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trọng Đạt